

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM TIẾNG ANH A2-B1 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHUNG CHÂU ÂU

Ngày thi 13/12/2020 - Đối tượng Sinh viên - Địa điểm thi: Trường Đại học Nông Lâm

(Kèm theo Biên bản Tổng hợp hội đồng thi)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Lớp QL	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng	Đạt trình độ	Ghi chú
1	DTN1363050001	Dương Tuấn	Anh	22/12/1991	Nam	Tày	Lạng Sơn	LTTYK10	15	9	40	4	68	A2	
2	DTN1353110009	Nguyễn Hải	Anh	12/02/1995	Nam	Tày	Thái Nguyên	KHMTK46N01	18	13	32	2	65	A2	
3	DTN1653040045	Hoàng Văn	Chí	26/10/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48N01	21	10	13	5	49	Không đạt	
4	DTN1353110026	Nguyễn Văn	Chiến	13/02/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMTK46N03	12	0	32	2	46	Không đạt	Vắng Nói
5	DTN1653060026	Ngô Việt	Cường	23/10/1998	Nam	Tày	Thái Nguyên	NLKH48	21	12	43	5	81	B1	
6	DTN1654120048	Nguyễn Phi	Cường	19/02/1998	Nam	Nùng	Lạng Sơn	CNSH48	24	9	18	5	56	Không đạt	
7	DTN1653040044	Trần Ngọc	Duy	19/09/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48N03	22	12	54	5	93	B1	
8	DTN1563110034	Vũ Việt	Duy	06/05/1992	Nam	Kinh	Ninh Bình	LTMT47	24	10	38	0,5	72,5	A2	
9	DTN1554110013	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/01/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KTNN47N02	22	12	55	5	94	B1	
10	DTN1664120008	Đinh Vũ	Giang	23/09/1994	Nam	Kinh	Ninh Bình	LTQLDD48	23	10	36	0	69	Không đạt	
11	DTN1653040102	Lương Nguyễn Hương	Giang	11/11/1998	Nữ	Mường	Hòa Bình	CNTY48N02	16	0	36	4	56	Không đạt	Vắng Nói
12	DTN1654120082	Trần Văn	Hải	08/07/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD48N02	0	0	0	0	0	Không đạt	Vắng
13	DTN17VB2305004	Vũ Thị	Hào	06/06/1995	Nữ	San Chí	Thái Nguyên	VB2 Thú y 49	24	11	44	5	84	B1	
14	DTN1653070005	Lý Thị Thu	Hiền	04/10/1998	Nữ	Nùng	Thái Nguyên	TT48POHEN02	20	11	45	5	81	B1	
15	DTN1453080025	Phạm Trung	Hiếu	07/06/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KNK46	5	8	8	3	24	Không đạt	
16	DTN1553040164	Đàm Thu	Huế	12/05/1997	Nữ	Tày	Cao Bằng	CNTY48N03	20	12	48	2	82	B1	
17	DTN1654120021	Nguyễn Xuân	Khánh	04/12/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD48N02	24	12	47	4	87	B1	
18	DTN1553050142	Dương Thùy	Linh	05/04/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	TY47N02	21	10	43	2	76	A2	
19	DTN1553050146	Dương Văn	Long	14/08/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N02	23	10	50	4	87	B1	
20	DTN1653040029	Hoàng Văn	Long	18/12/1997	Nam	San Chí	Thái Nguyên	CNTY48N03	18	12	44	4	78	A2	
21	DTN1558520003	Trần Phi	Long	24/02/1997	Nam	Kinh	Tuyên Quang	TT47POHEN02	19	13	40	5	77	A2	

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Lớp QL	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng	Đạt trình độ	Ghi chú
22	DTN1253180088	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	08/05/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	DCMT44N01	0	0	0	0	0	Không đạt	Vắng
23	DTN17VB2306008	Nông Thanh	Oai	15/01/1989	Nam	Tày	Thái Nguyên	VB2 LN 49	23	13	28	5	69	A2	
24	DTN0853060160	Đặng Hải	Sơn	14/04/1986	Nam	Kinh	Hà Nội	LN44	19	12	50	5	86	B1	
25	DTN1653040111	Nguyễn Văn	Thanh	11/08/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY48POHE	24	10	50	4	88	B1	
26	DTN1653070071	Trần Thị Phương	Thảo	19/06/1998	Nữ	Tày	Thái Nguyên	TT48POHEN02	14	11	29	4	58	Không đạt	
27	DTN1553060074	Lý Đức	Thắng	19/08/1997	Nam	La chí	Hà Giang	NLKH47	24	11	52	5	92	B1	
28	DTN1453T0034	Mạc Hà	Thông	13/08/1993	Nam	Nùng	Bắc Kạn	QLTNRK46N03	9	10	13	2	34	Không đạt	
29	DTN1454140026	Trần Hạnh	Thư	01/09/1996	Nữ	Tày	Thái Nguyên	PTNTK46N02	22	11	46	3	82	B1	
30	DTN1553110050	Nguyễn Thanh	Tuấn	03/09/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KHMT47N02	24	9	37	4	74	A2	
31	DTN1554140106	Phùng Văn	Tùng	01/12/1997	Nam	Tày	Tuyên Quang	PTNT47N01	24	11	54	5	94	B1	
32	DTN1554140059	Quan Thị	Viện	19/01/1997	Nữ	Tày	Hà Giang	PTNT47N01	22	12	51	5	90	B1	

Ấn định danh sách: 32 thí sinh

Số thí sinh đăng ký dự thi	32
Số thí sinh dự thi Phần thi N-Đ-V	30
Số thí sinh dự thi Phần thi Nói	28
Số thí sinh vắng thi Phần thi N-Đ-V	2 (1 có lý do con nhỏ đi viện)
Số thí sinh vắng thi Phần thi Nói	4 (1 có lý do con nhỏ đi viện)
Số thí sinh VPQC	0
Số thí sinh đạt A2B1	22
Số thí sinh đạt A2	8
Số thí sinh đạt B1	14
Số thí sinh không đạt A2B1	10